TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08/5/2023
V/v: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Hữu Sỹ

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Xuân Thí và ông Mai Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Anh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 918/2023/QĐ-ST ngày 31 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lưu Thị N - sinh năm: 1992; địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn C - sinh năm: 1985; địa chỉ thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Địa chỉ hiện tại: Số nhà XXX, Xang a bin la, huyện K, tỉnh phô hang, Hàn quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 24/6/2022, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lưu Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị N và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 7 năm 2010 tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Do điều kiện kinh tế gặp khó khăn nên tháng 11 năm 2011 anh C đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Sau 3 năm lao động ở Hàn Quốc, khi anh C về phép thì anh công khai với chị N đã có người phụ nữ khác bên ngoài và anh yêu cầu được ly hôn với chị N. Hai người đã ký đơn ly hôn, nhưng do thời gian gấp quá, chưa kịp gửi đơn đến Tòa án thì anh C qua lại Hàn Quốc. Chị N vẫn chờ đợi để anh C thay đổi quay về với vợ con, nhưng anh C không thay đổi và đã chủ động gọi điện thoại bảo chị N đi lấy chồng vì anh không về nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: chị N trình bày vợ chồng có một con chung mang tên Nguyễn Hoàng V; sinh ngày 18/7/2011. Sau khi ly hôn chị N mong muốn được nuôi con chung, yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về quan hệ tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã uỷ thác tư pháp ra nước ngoài thông qua Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc để yêu cầu cơ quan này tống đạt các văn bản tố tụng và thu thập lời khai đối với anh Nguyễn Văn C, tuy nhiên Tòa án không nhận được kết quả từ Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Tòa án cũng đã thông báo cho gia đình anh C biết để gia đình thông báo cho anh C biết việc chị N xin ly hôn anh C. Thông qua đường thân nhân Toà án đã nhận được Bản tự khai lập ngày 30 tháng 8 năm 2022 của anh Nguyễn Văn C viết và gửi về cho Tòa án với nội dung: anh C xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên đồng ý ly hôn chị N; về con chung anh C cũng đồng ý giao cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; về mức đóng góp phí tổn nuôi con thì nếu anh có nhiều thì cho con nhiều, có ít thì cho con ít; về tài sản chung không có.

- *Ý kiến trình bày của bà Lê Thị M (mẹ anh C)*: anh C đã đi qua Hàn Quốc làm ăn hiện nay chưa về, hiện có địa chỉ đúng như địa chỉ mà chị N đã cung cấp cho Toà án; anh C có liên lạc với gia đình bằng điện thoại và có nói cho mẹ (bà M) biết vợ chồng N - C đang làm thủ tục ly hôn và mong muốn Toà án tỉnh Quảng Bình giải quyết ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh C vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt anh C.

Về nội dung: đề nghị xử cho chị Lưu Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn C; về con chung giao cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, hàng tháng anh Nguyễn Văn C đóng góp nuôi con 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; về tài sản chung không có nên đề nghị miễn xét. Về án phí ly hôn sơ thẩm buộc chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng***: anh Nguyễn Văn C là công dân Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại: thôn P, xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Theo thông tin cung cấp của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an thì anh Nguyễn Văn C đã sử dụng hộ chiếu B5664710 xuất cảnh lần sau cùng ngày 10/4/2014 qua sân bay quốc tế Nội Bài, chưa thấy thông tin nhập cảnh. Theo chị N cung cấp thì hiện anh C có địa chỉ tại: Số nhà XXX, Xang a bin la, huyện K, tỉnh phô hang, Hàn quốc. Do đó, vụ

án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các phương thức tống đạt, thông báo văn bản tố tụng của Toà án cho anh C ở nước ngoài như: Toà án đã uỷ thác tư pháp thông qua Đại sứ quán của Việt Nam tại Hàn Quốc để yêu cầu công khai các văn bản tố tụng tại trụ sở và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc; gửi văn bản tố tụng về gia đình của anh Cường, thực hiện niêm yết văn bản tại địa phương nơi cư trú cuối cùng của anh C, ...

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã nhận được bản tự khai của anh Nguyễn Văn C gửi từ nước ngoài về cho Tòa án qua đường thân nhân. Theo yêu cầu của chị Lưu Thị N, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 264/2023/QĐ-TCGĐ ngày 24/02/2023 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Bình thực hiện giám định chữ ký, chữ viết của anh C trong bản tự khai mà gia đình anh cung cấp cho Tòa án. Mẫu chữ ký, chữ viết để so sánh là chữ ký của anh C trong Giấy đăng ký kết hôn và chữ ký của anh C trong hợp đồng đi làm việc tại Hàn Quốc. Kết quả giám định kết luận chữ ký đứng tên Nguyễn Văn C dưới mục "Người viết đơn tự khai" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Nguyễn Văn C trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký ra. Như vậy có cơ sở để khẳng định anh C đã biết được việc Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đang thụ lý giải quyết việc ly hôn giữa anh với chị N, và anh C đã gửi ý kiến để Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ việc.

Toà án đã mở phiên toà lần thứ nhất vào ngày (10/4/2023) nhưng anh C vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh C tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ tình cảm: Hội đồng xét xử thấy chị Lưu Thị N và anh Nguyễn Văn C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Trước Toà, chị N khẳng định hai người đã sống ly thân từ lâu và không còn quan tâm đến nhau nữa; tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh C. Đối với anh Nguyễn Văn C, Toà án đã nhận được Bản tự khai của anh C gửi từ Hàn Quốc về, nội dung trong bản tự khai của anh C cũng xác định tình cảm giữa hai người không còn và cũng đồng ý ly hôn với chị N.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh C với chị N đã hết, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Lưu Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

[2.2].Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng V - sinh ngày 18/7/2011. Nguyện vọng của chị N xin được trực tiếp nuôi con; cháu Nguyễn Hoàng V cũng có nguyện vọng mong muốn được ở cùng mẹ.

Hội đồng xét xử thấy chị N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con từ khi sinh ra cho đến nay; hiện tại anh C cũng đồng ý giao con cho chị N trực tiếp sóc nuôi dưỡng và cháu Nguyễn Hoàng V cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cháu Nguyễn Hoàng V cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng là tương đối phù hợp nên được Tòa án chấp nhận. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 5/2023 trở đi cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng V tròn 18 tuổi.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung: Cả chị N và anh C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí, lệ phí*:*

- Chị Lưu Thị N phải chịu án phí ly hôn, anh C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.
- Lệ phí uỷ thác tư pháp ra nước ngoài và chi phí giám định chữ ký: chị Lưu Thị N đã tự nguyện nộp tạm ứng đầy đủ để cơ quan chức năng thực hiện việc ủy thác tư pháp và giám định chữ ký theo quy định. Chị N không yêu cầu Tòa án xem xét đối với khoản tiền này nên Tòa án không xem xét.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo luật định tại Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, Điều 474, điểm b khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lưu Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung cháu Nguyễn Hoàng V; sinh ngày 18/7/2011 cho chị Lưu Thị N (mẹ cháu Nguyễn Hoàng V) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Buộc anh Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con chung cùng chị N mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian đóng góp phí tổn nuôi con tính từ tháng 5/2023 trở đi cho đến khi cháu Nguyễn Hoàng V tròn 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng con chưa

thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung: Toà án không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

Chị Lưu Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai số 31AA/2021/0005008 ngày 05/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm: Chị Lưu Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QB (P9);
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu Toà DS, HSVA, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Hữu Sỹ